

Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 8, ngày 21 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 445/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lâm Đình K, sinh năm 1981; Địa chỉ: Đường N, Phường C, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Châu Thị Thanh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường N, Phường C, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 01 năm 2022, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về hôn nhân: Ông Lâm Đình K và bà Châu Thị Thanh H yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01/2015, ngày 04/6/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố H.

Đến năm 2021, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông K và bà H khai có 01 (một) con chung tên Lâm Châu H, sinh ngày 02/01/2016 đăng ký tại đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố H. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Lâm Đình K và bà Châu Thị Thanh H mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng bà H tự nguyện chịu toàn bộ và được ông K đồng ý, nên Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Đình K và bà Châu Thị Thanh H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyền số 01/2015, ngày 04/6/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Lâm Châu H, sinh ngày 02/01/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà H tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016039 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung

